

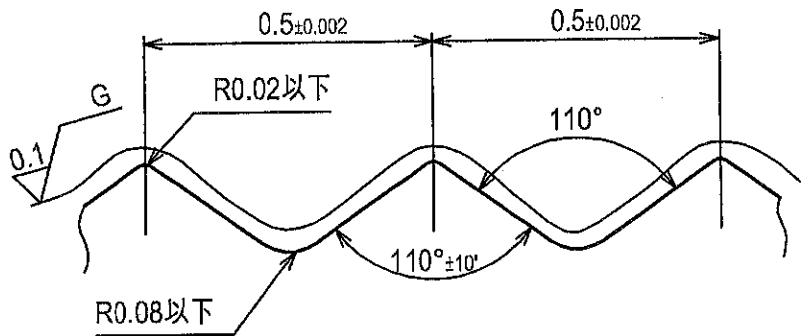
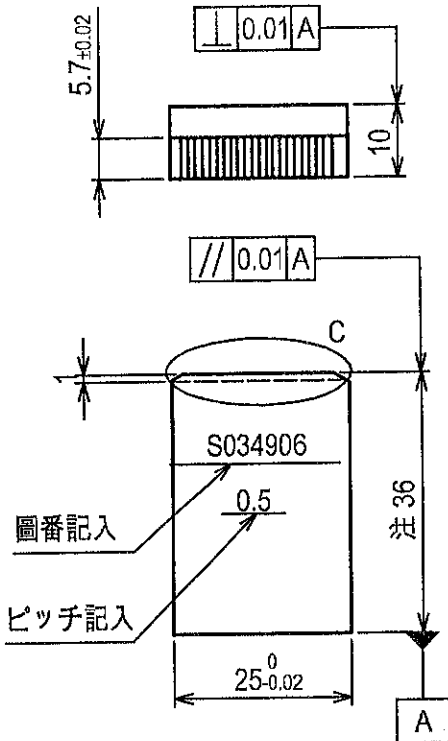
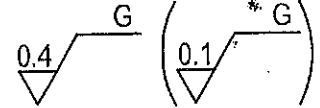
4140110002.S034906 - G/A CONG - 31/01/2021

REV.	DATE	INIT.	DESCRIPTION	DESIGNER	CHECKER	DATE	TOLERANCE
1	2007/09/27		圖面作圖	DBS-0117	Teng_Pai_Chiu	Li_Yi	≤ 6 ± 0.1
2							6 < , ≤ 30 ± 0.2
3							30 < , ≤ 120 ± 0.3
4							120 < , ≤ 400 ± 0.5
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k							FINISH MARKS
本圖は圖と寸法は比例しておりません							

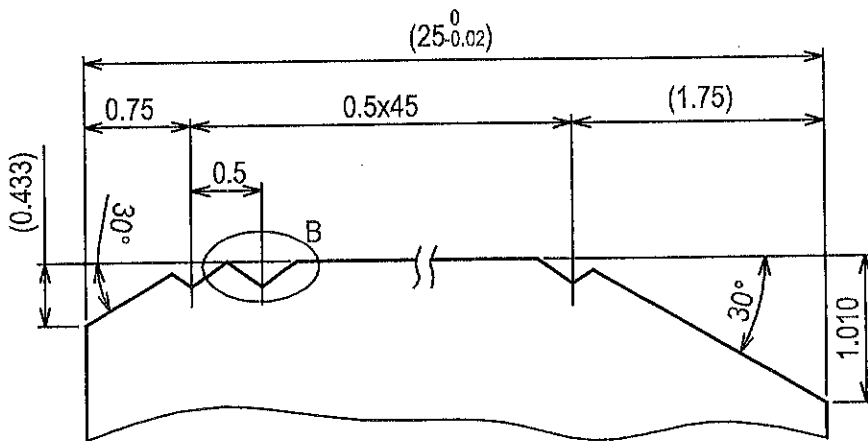
21/1/23

213010111B
(10p)

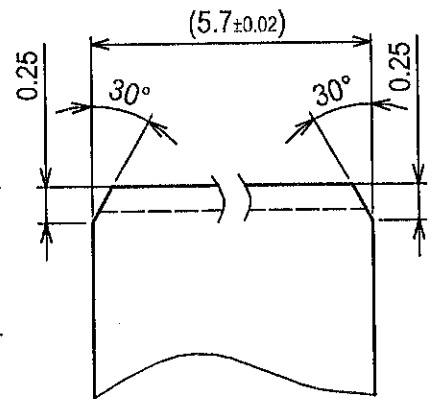
未标注倒角0.5



刃物部擴大 B(80:1)



刃物部詳細圖C (20:1)



面取詳細圖

注:有關再研磨時的高度尺寸, 6⁰.1高度管理上再研磨時的尺寸是每隔0.5mm加工

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Yeh_Liu_Fong	Hsu_Chen_Feng	部品図 PART DRAWING	平ダイス STRAIGHT DIES
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	平模
HRC		部品図	平模
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
WC(KM10)	1990/03/28	1:1	S034906

BTP S034906

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414.0110002

SNO: **S034906**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: **10 P**

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S034904	GS : 40 GP : 40 AL : 1 KT